

Số: 02/2025/QĐST-KDTM

Hà Đông, ngày 07 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 83/2024/KDTM-ST ngày 04 tháng 12 năm 2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần T1; Địa chỉ: Số D, đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Á - Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Bích H - Nhân viên công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Công ty L; Địa chỉ tại: Số B, đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đức N – Chức vụ: Giám đốc. Theo Quyết định về việc phân công nhiệm vụ số 08/2024/QĐ-N&P ngày 08/4/2024 của Công ty L, giao ông Nguyễn Giang T tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần T1.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần P; Địa chỉ trụ sở tại: Tầng B, Tòa nhà N, khu X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật là ông Bùi Thế A - Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: bà Ngô Thị H1 - Chuyên viên pháp chế.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Ngày 25/10/2016 giữa Công ty cổ phần T1 và Công ty cổ phần P ký Hợp đồng thi công 05/016 TP3-PTXD với nội dung chính: Công ty cổ phần P đồng ý giao và Công ty cổ phần T1 đồng ý nhận thực hiện thi công phần nhân công và máy gói thầu Cải tạo, nâng cấp kênh N - Dự án Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện H: đoạn từ Km 3m đến Km 4 + 180. Sau khi thi công xong công trình, ngày 25/9/2019, Công ty cổ phần T1 và Công ty cổ phần P đã ký Biên bản đối chiếu công nợ. Hai bên cùng thống nhất số liệu đến ngày 31/8/2019 như sau:

1. Tổng giá trị đã được nghiệm thu: 9.301.035.900 đồng
2. Tổng số tiền đã được thanh toán: 7.926.420.000 đồng
3. Tổng số tiền còn nợ: 1.374.615.900 đồng
4. Tổng công nợ Công ty cổ phần P còn nợ Công ty cổ phần T1 đến hết ngày 31/8/2019 (chưa bao gồm phần tính lãi theo thỏa thuận) là: 1.374.615.900 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả 10%/năm theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 của số tiền trên tính từ ngày 01/9/2019 đến 30/11/2024 là **721,673,348 đồng** (*B trăm hai mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng*). Tại phiên hòa giải Nguyên đơn xin rút toàn bộ tiền nợ lãi phát sinh là: 721,673,348 đồng.

Tính đến ngày 30/12/2024 Công ty cổ phần P còn nợ Công ty cổ phần T1 là: **1.374.615.900 đồng** (*Một tỷ, ba trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, chín trăm đồng*).

2. Tại buổi hòa giải Công ty cổ phần T1 và Công ty cổ phần P lộ trình trả nợ như sau:

- Chậm nhất đến ngày 30/4/2025, Công ty CP P có trách nhiệm trả 30% khoản nợ cho Công ty CP T1.

- Chậm nhất đến ngày 31/8/2025, Công ty CP P có trách nhiệm trả 30% khoản nợ cho Công ty CP T1.

- Chậm nhất đến ngày 31/12/2025, Công ty CP P có trách nhiệm tất toán toàn bộ khoản dư nợ cho Công ty CP T1.

3. Trong trường hợp Công ty CP P vi phạm bất kỳ nghĩa vụ kỳ trả nợ nào thì Công ty CP T1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty CP P để thu hồi khoản nợ vay.

Kể từ ngày bên phải thi hành không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp

với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên bị thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3.Về án phí: Công ty cổ phần P phải chịu 26.619.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần T1 số tiền 35.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0044563 ngày 04/12/2024.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Tưởng Thị Huyền

